|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **TỔNG CỤC THỐNG KÊ**Số: 241/BC-TCTK | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2017* |  |  |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH KINH TẾ** - **XÃ HỘI**

**9 THÁNG NĂM 2017**

Kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có dấu hiệu khởi sắc với sự phục hồi và tăng trưởng ổn định của các nền kinh tế lớn như: Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh Châu Âu. Hoạt động thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng cải thiện rõ rệt[[1]](#footnote-2) là yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tuy nhiên, việc gia tăng chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng với những điều chỉnh chính sách của Mỹ và một số nước lớn đã tác động đáng kể tới hoạt động xuất khẩu của Việt Nam và một số nước trong khu vực. Ở trong nước, bên cạnh kết quả nổi bật về cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, thu hút khách quốc tế và đầu tư nước ngoài, kinh tế nước ta đối mặt với những khó khăn như: Sự sụt giảm của ngành khai khoáng; giá nông sản, thực phẩm, nhất là giá thịt lợn giảm mạnh tác động tiêu cực đến chăn nuôi; thiên tai, bão, lũ gây thiệt hại nặng nề tại nhiều địa phương.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; ban hành kịp thời các Nghị quyết, Chỉ thị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng các ngành, lĩnh vực. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực. Kết quả các ngành, lĩnh vực trong 9 tháng như sau:

**I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**

**1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước**

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 9 tháng năm 2017 ước tính tăng 6,41% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý I tăng 5,15%, quý II tăng 6,28% và ước tính quý III tăng 7,46%. Mức tăng trưởng của 9 tháng năm nay cao hơn mức tăng 5,99% của cùng kỳ năm 2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện, đây cũng là tín hiệu tích cực để nền kinh tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng 6,7% của cả năm 2017. Trong mức tăng 6,41% của toàn nền kinh tế 9 tháng năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,78%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,17%, đóng góp 2,45 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,25%, đóng góp 2,80 điểm phần trăm.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành thủy sản đạt mức tăng cao nhất với 5,42% so với cùng kỳ năm 2016, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành lâm nghiệp tăng 5,00%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành nông nghiệp mặc dù tăng cao hơn mức tăng 0,02% của cùng kỳ năm trước nhưng có dấu hiệu chững lại so với 6 tháng đầu năm khi tốc độ tăng chỉ ở mức 1,96%, đóng góp 0,23 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 6,95%, thấp hơn mức tăng 9,86% và 7,40% của cùng kỳ năm 2015 và năm 2016, chủ yếu do ngành khai khoáng 9 tháng năm nay giảm tới 8,08%, làm giảm 0,57 điểm phần trăm mức tăng trưởng chung. Điểm sáng của khu vực này là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 12,77% (cao hơn cùng kỳ năm 2016), đóng góp 2,15 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Ngành xây dựng duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 8,30%, đóng góp 0,47 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Trong khu vực dịch vụ, mức tăng của một số ngành có tỷ trọng lớn như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,16% so với cùng kỳ năm trước, là ngành có đóng góp cao nhất vào mức tăng trưởng chung (0,75 điểm phần trăm); dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 9,00%, đóng góp 0,35 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,89% (mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây[[2]](#footnote-3)), đóng góp 0,40 điểm phần trăm; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 3,99% (mức tăng cao nhất từ năm 2012 trở lại đây), đóng góp 0,22 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 32,50%; khu vực dịch vụ chiếm 42,67%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,17% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2016 là: 15,52%; 32,52%; 41,77%; 10,19%).

Xét về góc độ sử dụng GDP 9 tháng, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,30% so với cùng kỳ năm 2016, đóng góp 8,76 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung (trong đó tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư đóng góp lớn nhất với 8,02 điểm phần trăm); tích lũy tài sản tăng 9,80%, đóng góp 4,78 điểm phần trăm; chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ ở tình trạng nhập siêu làm giảm 7,13 điểm phần trăm của mức tăng trưởng chung.

**Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước**

**9 tháng các năm 2015 - 2017**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%) | Đóng góp của các khu vực vào tăng trưởng 9 tháng năm 2017 (Điểm phần trăm) |
|  | 9 tháng năm 2015 | 9 tháng năm 2016 | 9 tháng năm 2017 |
| **Tổng số** | **6,53** | **5,99** | **6,41** | **6,41** |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 2,08 | 0,62 | 2,78 | 0,43 |
| Công nghiệp và xây dựng | 9,72 | 7,68 | 7,17 | 2,45 |
| Dịch vụ | 6,10 | 6,67 | 7,25 | 2,80 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp | 5,52 | 6,45 | 6,31 | 0,73 |

**2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

***a. Nông nghiệp***

Tính đến trung tuần tháng Chín, cả nước gieo cấy được 1.561,1 nghìn ha lúa mùa, bằng 98% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đã kết thúc gieo cấy với diện tích đạt 1.132,9 nghìn ha, bằng 98,3%; các địa phương phía Nam gieo cấy 428,2 nghìn ha, bằng 97,4%. Diện tích gieo cấy lúa mùa năm nay đạt thấp, trong đó vùng Đồng bằng sông Hồng chỉ đạt 535,2 nghìn ha, giảm 13 nghìn ha so với vụ mùa năm trước; các tỉnh Bắc Trung Bộ đạt 168,5 nghìn ha, giảm 6,2 nghìn ha. Nguyên nhân chủ yếu do các địa phương chuyển một phần diện tích trồng lúa sang sử dụng cho mục đích khác[[3]](#footnote-4). Một số địa phương có diện tích lúa mùa giảm nhiều: Hà Nội giảm 4,7 nghìn ha; Nghệ An giảm 3,7 nghìn ha; Thanh Hóa giảm 2,3 nghìn ha; Hưng Yên giảm 2 nghìn ha. Đến nay trà lúa mùa sớm ở miền Bắc đang trong giai đoạn vào chắc và chín, đã thu hoạch được gần 61,7 nghìn ha với năng suất ước tính đạt 50,3 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so với cùng kỳ năm 2016.

Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy được 2.105,9 nghìn ha, tương đương vụ hè thu năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.651,1 nghìn ha, giảm 23,4 nghìn ha[[4]](#footnote-5). Tính đến ngày 15/9/2017, các địa phương phía Nam đã thu hoạch được 1.731,9 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 82,2% diện tích gieo cấy và bằng 105% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch 1.452,6 nghìn ha, chiếm 88% và bằng 102,1%. Theo báo cáo của các địa phương, năng suất lúa hè thu cả nước năm nay ước tính đạt 54,7 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so với vụ hè thu năm 2016; sản lượng đạt hơn 11,5 triệu tấn, tăng 179 nghìn tấn, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 9,03 triệu tấn, tăng 11,6 nghìn tấn.

Đến giữa tháng Chín, vùng Đồng bằng sông Cửu Long gieo cấy được 584,8 nghìn ha lúa thu đông, bằng 90% cùng kỳ năm trước, trong đó Đồng Tháp giảm 18,6 nghìn ha; An Giang giảm 15,3 nghìn ha; Kiên Giang giảm 3,6 nghìn ha. Thời tiết diễn biến phức tạp, dự báo lũ đầu nguồn tăng cao nên diện tích gieo cấy lúa thu đông năm nay có khả năng giảm so với năm 2016. Đến thời điểm trên, lúa thu đông đã thu hoạch được 196 nghìn ha, bằng 34% diện tích xuống giống và bằng 104,8% cùng kỳ năm trước. Nếu thời tiết từ nay đến cuối vụ thuận lợi, ước tính năng suất toàn vụ đạt 51,9 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với vụ thu đông năm trước.

Gieo trồng cây hoa màu đạt thấp so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của mưa, bão gây ngập úng trên diện rộng. Tính đến giữa tháng Chín, cả nước gieo trồng được 1.018,2 nghìn ha ngô, bằng 97,2% cùng kỳ năm trước; 111,2 nghìn ha khoai lang, tương đương cùng kỳ; 181,7 nghìn ha lạc, bằng 96,5%; 79,5 nghìn ha đậu tương, bằng 92,7%; 977,8 nghìn ha rau, đậu, bằng 102,6%.

Diện tích trồng cây lâu năm 9 tháng ước tính đạt 3.366,8 nghìn ha, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cây công nghiệp đạt 2.204,2 nghìn ha, tăng 1,1%; cây ăn quả đạt 897,2 nghìn ha, tăng 3%; cây lấy dầu đạt 166,8 nghìn ha, tăng 0,6%; cây gia vị, dược liệu đạt 58,1 nghìn ha, giảm 1,2%; cây lâu năm khác đạt 40,4 nghìn ha, tăng 1,3%. Sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm 9 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng hồ tiêu ước tính tăng 9%; cao su tăng 3,9%; cà phê tăng 1,8%; chè búp tăng 1%; riêng sản lượng điều giảm 28% do xuất hiện sương mù vào thời điểm ra hoa nên nhiều diện tích bị mất trắng. Một số cây ăn quả có sản lượng tăng khá do thị trường tiêu thụ tốt: Sản lượng thanh long 9 tháng ước tính tăng 15% so với cùng kỳ năm trước; cam tăng 12%; xoài tăng 10,7%; chuối và chanh cùng tăng 8,7%; bưởi tăng 6,6%; quýt tăng 6%. Riêng sản lượng vải giảm 23,3% so với cùng kỳ năm 2016; nhãn giảm 2,9% do thời tiết không thuận lợi trong thời kỳ ra hoa.

Chăn nuôi trâu, bò và gia cầm nhìn chung ổn định. Tính đến tháng Chín, đàn trâu cả nước giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2016; đàn bò tăng 2,7%; đàn gia cầm tăng 5,3%. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 9 tháng ước tính đạt 65,8 nghìn tấn, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò hơi đạt 246,7 nghìn tấn, tăng 4,9%; sản lượng thịt gia cầm đạt 772,7 nghìn tấn, tăng 6,1%; trứng gia cầm đạt 7.562,7 triệu quả, tăng 7,2%. Chăn nuôi lợn gặp nhiều khó khăn trong khâu tiêu thụ, giá thịt lợn hơi ở mức thấp và biến động thất thường nên người nuôi chưa yên tâm tái đàn. Đàn lợn cả nước tính đến tháng Chín giảm 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 9 tháng ước tính đạt 2.731,9 nghìn tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý III đạt 521,9 nghìn tấn, giảm 2,3%. Tính đến thời điểm 25/9/2017, cả nước không còn dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

***b. Lâm nghiệp***

Thời tiết từ đầu năm đến nay tương đối thuận lợi cho hoạt động trồng và chăm sóc rừng. Diện tích rừng trồng tập trung của cả nước 9 tháng ước tính đạt 162,5 nghìn ha, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 84,4 triệu cây, tăng 2,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 7.916 nghìn m3, tăng 8,1% do thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ được mở rộng. Một số tỉnh có sản lượng gỗ khai thác tăng cao: Phú Thọ đạt 458 nghìn m3, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước; Nghệ An 373 nghìn m3, tăng 23%; Hà Tĩnh 209 nghìn m3, tăng 14,3%; Bình Định 604 nghìn m3, tăng 10,3%. Sản lượng củi khai thác 9 tháng ước tính đạt 21,5 triệu ste, tương đương cùng kỳ năm 2016.

Trong 9 tháng năm nay, diện tích rừng bị thiệt hại là 1.316 ha, giảm 59,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 471 ha, giảm 79,3%; diện tích rừng bị chặt, phá là 845 ha, giảm 15,8%. Một số tỉnh có diện tích rừng bị chặt, phá nhiều: Đắk Nông 237 ha; Điện Biên 194 ha; Lâm Đồng 69 ha; Quảng Nam 67 ha; Bình Định 58 ha.

***c. Thủy sản***

 Sản lượng thủy sản 9 tháng năm nay ước tính đạt 5.125,9 nghìn tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 3.699,6 nghìn tấn, tăng 4,1%; tôm đạt 603 nghìn tấn, tăng 8%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng 9 tháng ước tính đạt 2.676,1 nghìn tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 1.909,1 nghìn tấn, tăng 2,8%; tôm đạt 480,8 nghìn tấn, tăng 9,7%. Nuôi trồng thủy sản gặp thuận lợi cả về thời tiết và giá cả. Giá cá tra hiện ở mức tương đối cao[[5]](#footnote-6), xuất khẩu cá tra tăng so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nuôi cá tra 9 tháng ước tính đạt 12,3 nghìn ha, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng cá tra ước tính đạt 871 nghìn tấn, tăng 2,4%, trong đó Bến Tre đạt 133,6 nghìn tấn, tăng 3%; Tiền Giang 27,2 nghìn tấn, tăng 2,7%. Nuôi tôm đạt khá do một bộ phận người nuôi chuyển từ thâm canh, bán thâm canh sang nuôi siêu thâm canh, nhất là tôm thẻ chân trắng. Diện tích nuôi tôm sú 9 tháng ước tính đạt 596,5 nghìn ha, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước; diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng đạt gần 96 nghìn ha, tăng 15,5%. Sản lượng tôm thẻ chân trắng 9 tháng ước tính đạt 263,9 nghìn tấn, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú ước tính đạt 187,3 nghìn tấn, tăng 4,2%.

Sản lượng thủy sản khai thác 9 tháng của cả nước ước tính đạt 2.449,8 nghìn tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 1.790,5 nghìn tấn, tăng 5,4%; tôm đạt 122,2 nghìn tấn, tăng 2,1%. Sản lượng thủy sản khai thác biển 9 tháng đạt 2.304,1 nghìn tấn, tăng 5%, trong đó cá đạt 1.689,7 nghìn tấn, tăng 5,5%; tôm đạt 112,4 nghìn tấn, tăng 2,7%. Sản lượng cá ngừ đại dương ước tính đạt 17 nghìn tấn, tăng 13,6% so với 9 tháng năm 2016, trong đó Bình Định đạt gần 9 nghìn tấn, tăng 20,9%; Phú Yên đạt 3,5 nghìn tấn, tăng 7%.

**3. Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Chín ước tính tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng cao ở mức 19,5%; sản xuất và phân phối điện tăng 10,4%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,4%; riêng ngành khai khoáng tiếp tục giảm 6%.

 Tính chung 9 tháng năm 2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 7,1% của cùng kỳ năm 2016[[6]](#footnote-7) và mức tăng 7,2% của 8 tháng năm nay (Trong đó: Quý I tăng 3,9%; quý II tăng 8,1%; quý III ước tính tăng 9,7%). Trong các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tăng 12,8%, đây là mức tăng cao nhất của ngành này trong nhiều năm qua, đóng góp 9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,9%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm mạnh 8,1%, làm giảm 1,8 điểm phần trăm mức tăng chung.

Xét theo công dụng của sản phẩm, các sản phẩm trung gian (phục vụ cho quá trình sản xuất tiếp theo) tăng 7,2%; sản phẩm phục vụ cho sử dụng cuối cùng tăng 8,4%, trong đó sản phẩm là tư liệu sản xuất tăng 8,3%; sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng của dân cư tăng 8,4%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 9 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 25,1% (tập trung ở sản xuất điện thoại di động thông minh giá trị cao và linh kiện điện tử xuất khẩu toàn cầu), đặc biệt tăng mạnh trong quý III với mức tăng 45,5% (cao hơn mức tăng 5,9% của quý I và 23,5% của quý II), chủ yếu do Tập đoàn Samsung đầu tư mở rộng sản xuất các mặt hàng điện tử có giá trị cao với doanh thu dự kiến ngành điện tử cả năm 2017 đạt 1.188,5 nghìn tỷ đồng, tăng 17,7% so với năm 2016; sản xuất kim loại tăng 21,4%, trong đó có sự đóng góp của Tập đoàn Formosa mới đi vào sản xuất (dự kiến năm 2017 sản xuất 1,5 triệu tấn thép thô với doanh thu 16,85 nghìn tỷ đồng); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 14,2%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,6%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 6,6%; sản xuất trang phục tăng 6,3%; sản xuất đồ uống tăng 5%; khai thác than cứng và than non tăng 2%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 1,7%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 2%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 10,7%.

Trong 9 tháng năm nay, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Ti vi tăng 31,6%; sắt, thép thô tăng 28%; thép cán tăng 23,2%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 16,8%; phân urê tăng 15,9%. Một số sản phẩm tăng khá: Phân hỗn hợp NPK tăng 12,9%; thép thanh, thép góc tăng 11,6%; thủy hải sản chế biến tăng 9,4%; nước máy thương phẩm tăng 9,4%; quần áo mặc thường tăng 8,7%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Giày, dép da tăng 5%; điện thoại di động tăng 3,2% (cùng kỳ năm 2016 giảm 10,7%); than đá tăng 1,9%; thuốc lá điếu tăng 0,1%; ô tô giảm 4,2%; khí đốt thiên nhiên giảm 10%; dầu thô khai thác giảm 11,1%; khí hóa lỏng (LPG) giảm 11,7%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Bắc Ninh tăng 25,1%; Hải Phòng tăng 20,1%; Thái Nguyên tăng 18,1%; Hải Dương tăng 11,2%; Vĩnh Phúc tăng 10,6%; Bình Dương tăng 9,5%; Đà Nẵng tăng 8,9%; Đồng Nai tăng 8,3%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 7,8%; Cần Thơ tăng 6,9%; Hà Nội tăng 6,7%; Quảng Ninh tăng 4,5%; Quảng Nam giảm 3,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 4,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 8/2017 tăng 3,4% so với tháng trướcvà tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,8% so với 8 tháng năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 8,3%), trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao: Dệt tăng 31,7%; sản xuất kim loại tăng 22,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 16,4%; sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 15,9%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 15%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụtăng thấp: Sản xuất đồ uống tăng 5,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 5,7%; sản xuất thiết bị điện tăng 5,5%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 5,4%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/9/2017 tăng 9,9% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2016 tăng 9%), trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hơn mức tăng chung hoặc giảm: Sản xuất kim loại tăng 7,8%; sản xuất trang phục tăng 5,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 1,3%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 0,8%; dệt giảm 2,8%; sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 6,5%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 26,6%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với mức tăng chung: Sản xuất đồ uống tăng 57%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 51,8% (tập trung vào sản phẩm điện thoại di động chờ xuất khẩu theo đơn hàng); sản xuất xe có động cơ tăng 42,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (chủ yếu là xi măng) tăng 20,5%; sản xuất thiết bị điện tăng 16,5%.

Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 8 tháng năm 2017 là 65,5% (cùng kỳ năm trước là 68,4%), trong đó một số ngành có tỷ lệ tồn kho cao: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 126,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 84,8%; sản xuất xe có động cơ 81,2%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/9/2017 tăng 4,6% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 3,6%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1,6%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 7,5%. Tại thời điểm trên, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 4% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 5,9%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 1,2%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 2,5%.

Lao động trong các doanh nghiệp tại thời điểm 1/9/2017 so với cùng thời điểm năm trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn như sau: Bắc Ninh tăng 24,8%; Hải Dương tăng 9,8%; Vĩnh Phúc tăng 8,5%; Bình Dương tăng 5,6%; Đồng Nai tăng 5,5%; Hải Phòng tăng 5,1%; Thái Nguyên tăng 4,4%; Hà Nội tăng 3,8%; Cần Thơ tăng 2,5%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,6%; Đà Nẵng tăng 0,7%; Quảng Nam tăng 0,5%; Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 0,3%.

**4. Hoạt động của doanh nghiệp**

***a. Tình hình đăng ký doanh nghiệp[[7]](#footnote-8)***

Trong tháng Chín, cả nước có 8.610 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 80,6 nghìn tỷ đồng, giảm 30,6% về số doanh nghiệp và giảm 38,7% về số vốn đăng ký so với tháng trước[[8]](#footnote-9); vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 9,4 tỷ đồng, giảm 11,7%; tổng số lao động đăng ký trong tháng của các doanh nghiệp thành lập mới là 64 nghìn người, giảm 37%. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng giảm do thời gian này trùng với tháng Bảy âm lịch, người dân có tâm lý hạn chế khởi sự kinh doanh.

Trong tháng, cả nước có 1.946 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 21,2% so với tháng trước; có 4.441 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động (bao gồm: 1.564 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 2.877 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể), tăng 17,6%; có 982 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 14,3%.

Tính chung 9 tháng năm nay, cả nước có 93.967 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 902,7 nghìn tỷ đồng, tăng 15,4% về số doanh nghiệp và tăng 43,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 9,6 tỷ đồng, tăng 24,4%[[9]](#footnote-10). Nếu tính cả 1.241,3 nghìn tỷ đồng của hơn 27,5 nghìn lượt doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng năm 2017 là 2.144 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, còn có 21.100 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 9 tháng lên hơn 115 nghìn doanh nghiệp. Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng là 886,5 nghìn người, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

Theo ngành nghề kinh doanh chính, trong 9 tháng năm 2017 có 33,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới trong ngành bán buôn, bán lẻ (chiếm 36% tổng số doanh nghiệp thành lập mới), tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước; 12 nghìn doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 12,8%), tăng 9%; 11,9 nghìn doanh nghiệp xây dựng (chiếm 12,7%), tăng 9,6%; 7 nghìn doanh nghiệp khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác (chiếm 7,5%), tăng 11,7%; 5 nghìn doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác (chiếm 5,3%), tăng 24,1%; 4,6 nghìn doanh nghiệp dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 4,8%), tăng 16,3%; 3,5 nghìn doanh nghiệp kinh doanh bất động sản (chiếm 3,7%), tăng 62,4%; 2,5 nghìn doanh nghiệp giáo dục và đào tạo (chiếm 2,7%), tăng 26,3%....

Trong 9 tháng năm nay, số doanh nghiệp thành lập mới tại các vùng trong cả nước đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vùng Đông Nam Bộ có 39,6 nghìn doanh nghiệp, tăng 13,3% (vốn đăng ký 463,7 nghìn tỷ đồng, tăng 72,3%); Đồng bằng sông Hồng 28,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,3% (vốn đăng ký 215,6 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4%); Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 12,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 13,3% (vốn đăng ký 116,6 nghìn tỷ đồng, tăng 77,1%); Đồng bằng sông Cửu Long 6,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 17% (vốn đăng ký 48,5 nghìn tỷ đồng, tăng 18,2%); Trung du và miền núi phía Bắc 4 nghìn doanh nghiệp, tăng 29,8% (vốn đăng ký 40,4 nghìn tỷ đồng, tăng 26,8%); Tây Nguyên 2,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 25,5% (vốn đăng ký 17,9 nghìn tỷ đồng, tăng 40,9%);

Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 9 tháng năm 2017 là 8.736 doanh nghiệp, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 8.022 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, chiếm 91,8%. Nếu phân theo loại hình doanh nghiệp, trong tổng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, có 3.647 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 41,8%); 2.572 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 29,4%); 1.381 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 15,8%) và 1.136 công ty cổ phần (chiếm 13%).

Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động trong 9 tháng là 49.345 doanh nghiệp, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm 18.499 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 13,5% và 30.846 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, tăng 7,1%. Trong tổng số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, có 7.712 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 41,7%); 5.932 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 32,1%); 3.107 công ty cổ phần (chiếm 16,8%); 1.745 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 9,4%) và 3 công ty hợp danh. Đối với doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể, có 13.659 công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (chiếm 44,3%); 9.035 công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên (chiếm 29,3%); 5.907 công ty cổ phần (chiếm 19,1%) và 2.245 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 7,3%).

***b. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp***

Kết quả điều tra về xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III/2017 cho thấy: Có 41,5% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý III năm nay tốt hơn quý trước; 17,9% doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn và 40,6% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Dự kiến quý IV so với quý III năm nay, có 52,6% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 11% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 36,4% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

Trong các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý III, có 59,4% doanh nghiệp cho rằng khả năng cạnh tranh cao của hàng hóa trong nước là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; 47% doanh nghiệp cho rằng do nhu cầu thị trường trong nước thấp; 32,2% doanh nghiệp cho rằng gặp khó khăn về tài chính; 31,2% doanh nghiệp cho rằng không tuyển được lao động theo yêu cầu; 28,1% doanh nghiệp cho rằng lãi suất cao và 22,2% doanh nghiệp cho rằng tính cạnh tranh cao của hàng nhập khẩu là yếu tố quan trọng.

*Về khối lượng sản xuất,* có 44,4% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất quý III năm nay tăng so với quý trước; 18% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm và 37,6% số doanh nghiệp cho rằng ổn định. Về xu hướng quý IV so với quý III, có 54,2% doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng lên; 9,9% số doanh nghiệp dự báo giảm và 35,9% số doanh nghiệp dự báo ổn định.

*Về đơn đặt hàng*, có 38,1% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng quý III năm nay cao hơn quý trước; 17,7% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm và 44,2% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng ổn định. Xu hướng quý IV khả quan hơn so với quý III với 48,9% số doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng tăng lên; 10,4% số doanh nghiệp dự kiến đơn hàng giảm và 40,7% số doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng ổn định.

*Về đơn đặt hàng xuất khẩu* quý III năm nay so với quý trước, có 32% số doanh nghiệp khẳng định số đơn hàng xuất khẩu cao hơn; 16,2% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu giảm và 51,8% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu ổn định. Xu hướng quý IV so với quý III, có 39,7% số doanh nghiệp dự kiến tăng đơn hàng xuất khẩu; 10,6% số doanh nghiệp dự kiến giảm và 49,7% số doanh nghiệp dự kiến ổn định.

*Về chi phí sản xuất,* có 23,8% số doanh nghiệp khẳng định chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm quý III năm nay tăng so với quý trước; 7,5% số doanh nghiệp cho biết chi phí giảm và 68,7% số doanh nghiệp cho rằng chi phí tương đương quý trước. Xu hướng trong quý IV/2017, có 18,4% số doanh nghiệp dự kiến chi phí sản xuất sẽ tăng so với quý III; 9,6% số doanh nghiệp cho rằng chi phí giảm và 72% số doanh nghiệp dự kiến chi phí sản xuất ổn định.

*Về giá bán sản phẩm,* có 15,9% số doanh nghiệp cho biết có giá bán sản phẩm quý III năm nay tăng so với quý trước; 8,6% số doanh nghiệp cho biết giá bán thấp hơn và 75,5% số doanh nghiệp có giá bán sản phẩm ổn định. Dự kiến giá bán sản phẩm quý IV so với quý III, có 15,9% số doanh nghiệp dự báo giá bán sản phẩm sẽ cao hơn; 6,8% số doanh nghiệp dự báo giá bán thấp hơn và 77,3% số doanh nghiệp dự báo giá bán sản phẩm ổn định.

*Về tồn kho sản phẩm*, có 19% số doanh nghiệp có lượng tồn kho quý III năm nay tăng so với quý trước; 30,8% số doanh nghiệp có lượng tồn kho giảm và 50,2% số doanh nghiệp giữ ổn định. Xu hướng quý IV so với quý III, có 13,7% số doanh nghiệp dự báo lượng hàng tồn kho sẽ tăng; 33,5% số doanh nghiệp cho rằng lượng hàng tồn kho giảm và 52,8% số doanh nghiệp dự báo giữ ổn định.

*Về tồn kho nguyên vật liệu,* quý III/2017 so với quý trước, có 17,7% số doanh nghiệp cho biết lượng tồn kho nguyên vật liệu tăng; 28,6% số doanh nghiệp cho là giảm và 53,7% số doanh nghiệp trả lời giữ nguyên. Dự kiến quý IV so với quý III, có 13,8% số doanh nghiệp dự báo lượng tồn kho nguyên vật liệu tăng; 32% số doanh nghiệp dự báo lượng tồn kho giảm và 54,2% số doanh nghiệp cho rằng sẽ không có biến động về tồn kho nguyên vật liệu.

*Về sử dụng lao động,* quý III năm nay so với quý trước, có 15,8% số doanh nghiệp khẳng định quy mô lao động tăng; 11,4% số doanh nghiệp khẳng định giảm và 72,8% số doanh nghiệp cho biết giữ ổn định. Dự kiến quý IV so với quý III, có 19,3% số doanh nghiệp dự báo quy mô lao động tăng; 7,2% số doanh nghiệp dự báo giảm và 73,5% số doanh nghiệp cho rằng sẽ ổn định quy mô lao động.

**5. Hoạt động dịch vụ**

***a. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***

Hoạt động bán lẻ và kinh doanh dịch vụ tiếp tục xu hướng tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng, các trung tâm thương mại, siêu thị và cơ sở bán lẻ triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, sức mua trên thị trường tăng hơn so với tháng trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 ước tính đạt 336,6 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 251,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,2% và tăng 12%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 42,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,5% và tăng 13%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8% và tăng 35,8%; doanh thu dịch vụ khác đạt 39,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% và tăng 9,9%.

Tính chung 9 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.917,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,2% (cùng kỳ năm 2016 tăng 9%). Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng ước tính đạt 2.185,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 74,9% tổng mức và tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành hàng lương thực, thực phẩm tăng 9,8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 11,3%; may mặc tăng 14,9%; phương tiện đi lại tăng 24,9%; vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 3,5%. Một số địa phương có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 9 tháng tăng khá: Quảng Ninh tăng 15,6%; Vĩnh Phúc tăng 20,3%; Bắc Ninh tăng 18,5%; Hải Phòng tăng 13,9%; Thái Bình tăng 14,7%; Nam Định tăng 16,8%; Khánh Hòa tăng 19,6%; Bình Dương tăng 17,3%; Long An tăng 16,4%; riêng hai thành phố lớn là Hà Nội (chiếm 9,5% tổng mức của cả nước) và thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 19,9%) cùng tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2016.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 9 tháng ước tính đạt 362,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,4% tổng mức và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu của Bình Dương tăng 19,8%; Hải Phòng tăng 19,5%; Bình Thuận tăng 13,5%; Hà Nội tăng 11,8%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 8,6%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng khá do lượng khách quốc tế và du lịch trong nước 9 tháng năm nay tăng mạnh và hoạt động ăn uống ngoài gia đình không còn bị ảnh hưởng của sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung năm 2016.

Doanh thu du lịch lữ hành 9 tháng năm nay ước tính đạt 26,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu du lịch trong và ngoài nước cùng với lượng khách quốc tế đến nước ta tăng mạnh đã góp phần tăng thu cho hoạt động du lịch lữ hành. Một số địa phương có doanh thu tăng khá: Quảng Nam tăng 71,1%; Quảng Bình tăng 24,1%; Kiên Giang tăng 19,8%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 14,4%; Hà Nội tăng 6,5%.

Doanh thu dịch vụ khác 9 tháng ước tính đạt 342,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,8% tổng mức và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó một số địa phương có doanh thu tăng khá: Hải Phòng tăng 14,6%; Bắc Giang tăng 10,9%; Lâm Đồng tăng 9,2%; thành phố Hồ Chí Minh tăng 8,9%; Hà Nội tăng 5,7%.

***b. Vận tải và bưu chính, viễn thông***

Vận tải hành khách tháng Chín ước tính đạt 348 triệu lượt khách, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước và 16,3 tỷ lượt khách.km, tăng 1,3%. Tính chung 9 tháng, vận tải hành khách đạt 3.013 triệu lượt khách, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước và 137,3 tỷ lượt khách.km, tăng 9%, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 2.836,8 triệu lượt khách, tăng 11,5% và 92 tỷ lượt khách.km, tăng 7,9%; đường biển đạt 5,1 triệu lượt khách, tăng 12,4% và 264,1 triệu lượt khách.km, tăng 16,7%. Vận tải bằng đường hàng không đạt 35,5 triệu lượt khách, tăng 11,4% và 39,7 tỷ lượt khách.km, tăng 11,9% do các hãng hàng không trong nước tiếp tục tăng cường khai thác thị trường nội địa, đồng thời khai trương thêm một số đường bay quốc tế. Vận tải đường sắt mặc dù đã cải tiến đảm bảo thời gian chạy tàu, nhưng do giá vé chưa cạnh tranh được với hàng không giá rẻ và vận tải đường bộ cũng như độ đảm bảo an toàn chưa cao nên 9 tháng năm nay chỉ đạt 7,8 triệu lượt khách, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước và 3 tỷ lượt khách.km, tăng 6,4%.

Vận tải hàng hóa tháng Chín ước tính đạt 121,4 triệu tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước và 22,8 tỷ tấn.km, tăng 1,3%. Tính chung 9 tháng, vận tải hàng hóa đạt 1.066,2 triệu tấn, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước và 198,2 tỷ tấn.km, tăng 6,7%, trong đó vận tải trong nước đạt 1.041,5 triệu tấn, tăng 10,6% và 99,3 tỷ tấn.km, tăng 12,1%; vận tải ngoài nước đạt 24,7 triệu tấn, tăng 0,5% và 98,9 tỷ tấn.km, tăng 1,8%. Xét theo ngành vận tải, đường bộ đạt 827 triệu tấn, tăng 10,9% và 52,7 tỷ tấn.km, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước; đường sông đạt 183,5 triệu tấn, tăng 7,9% và 39 tỷ tấn.km, tăng 8,2%; đường biển đạt 51,3 triệu tấn, tăng 10,8% và 103,3 tỷ tấn.km, tăng 3,5%; đường sắt đạt 4,1 triệu tấn, tăng 9% và 2,6 tỷ tấn.km, tăng 11,6%.

Doanh thu lĩnh vực viễn thông 9 tháng năm 2017 ước tính đạt 283,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2016. Tính đến cuối tháng 9/2017, tổng số thuê bao điện thoại ước tính đạt 120,4 triệu thuê bao, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó số thuê bao di động đạt 113,2 triệu thuê bao, giảm 12,7% do Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục thực hiện thanh tra đối với các nhà mạng trong việc quản lý sim rác, dự kiến số lượng thuê bao di động tiếp tục bị cắt giảm. Số thuê bao Internet băng rộng cố định ước tính đạt 10,5 triệu thuê bao, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2016.

***c. Khách quốc tế đến Việt Nam***

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Chín ước tính đạt 975,9 nghìn lượt người, giảm 20,6% so với tháng Tám do trong tháng không có nhiều hoạt động văn hóa, du lịch quy mô lớn và ảnh hưởng từ cơn bão số 10 vừa qua ở các tỉnh miền Trung. So với cùng kỳ năm trước, khách du lịch đến nước ta tăng 18,6%, trong đó, khách đến từ châu Á tăng 21,5%, từ châu Âu tăng 5,7%, từ châu Mỹ tăng 9%, từ châu Úc tăng 16,2%, từ châu Phi tăng 29,6%.

Tính chung 9 tháng năm nay, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 9.448,3 nghìn lượt người, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 8.013,6 nghìn lượt người, tăng 31,2%; đến bằng đường bộ đạt 1.244,8 nghìn lượt người, tăng 19,1%; đến bằng đường biển đạt 189,9 nghìn lượt người, giảm 6,2%.

Trong 9 tháng, khách đến từ châu Á đạt 7.099,2 nghìn lượt người, tăng 33,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ hầu hết các thị trường chính đều tăng: Khách đến từ Trung Quốc đạt 2.936,2 nghìn lượt người, tăng 47,7%; Hàn Quốc 1.714,4 nghìn lượt người, tăng 51,2%; Nhật Bản 598,3 nghìn lượt người, tăng 7,8%; Đài Loan 458,3 nghìn lượt người, tăng 20%; Ma-lai-xi-a 334,8 nghìn lượt người, tăng 16,3%; Thái Lan 211,2 nghìn lượt người, tăng 11,5%; Xin-ga-po 193,2 nghìn lượt người, tăng 6,9%.

Khách đến từ châu Âu ước tính đạt 1.394,6 nghìn lượt người, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khách đến từ Liên bang Nga 420,6 nghìn lượt người, tăng 40,6%; Vương quốc Anh 213,1 nghìn lượt người, tăng 12,2%; Pháp 193,2 nghìn lượt người, tăng 7,6%; Đức 143,7 nghìn lượt người, tăng 14,4%; Hà Lan 54,9 nghìn lượt người, tăng 13,5%; Tây Ban Nha 51,3 nghìn lượt người, tăng 21,7%; I-ta-li-a 43,4 nghìn lượt người, tăng 13,2%.

Khách đến từ châu Mỹ đạt 614,3 nghìn lượt người, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Hoa Kỳ đạt 463,4 nghìn lượt người, tăng 9,9%. Khách đến từ châu Úc đạt 314,1 nghìn lượt người, tăng 12,4%, trong đó khách đến từ Ôx-trây-li-a đạt 275,7 nghìn lượt người, tăng 13,2%. Khách đến từ châu Phi đạt 26 nghìn lượt người, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2016.

Nhìn chung, kết quả thu hút khách du dịch quốc tế 9 tháng năm nay tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, để hoàn thành mục tiêu đón 13 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2017, trong ba tháng cuối năm phải đón đạt trung bình mỗi tháng 1,2 triệu lượt khách. Điều này đòi hỏi ngành Du lịch phải có nhiều chính sách, biện pháp hiệu quả thu hút khách du lịch quốc tế, đặc biệt nhân dịp tổ chức Hội nghị cấp cao APEC tháng 11/2017 tại Đà Nẵng và các kỳ nghỉ lễ trùng với kỳ nghỉ đông của nhiều quốc gia trên thế giới như Lễ Noel, đón năm mới 2018.

**II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT**

**1. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm**

Tính đến thời điểm 20/9/2017, tổng phương tiện thanh toán tăng 9,59% so với cuối năm 2016 (cùng kỳ năm trước tăng 11,76%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 10,08% (cùng kỳ năm 2016 tăng 12,02%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 11,02% (cùng kỳ năm trước tăng 10,46%). Tín dụng tiếp tục đà tăng trưởng tốt thể hiện xu hướng phát triển tích cực và khả năng hấp thụ vốn tương đối tốt của nền kinh tế.

Từ ngày 10/7/2017, Ngân hàng Nhà nước đã giảm lãi suất điều hành thêm 0,25% và thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ. Các tổ chức tín dụng tích cực thực hiện các chính sách và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về giảm lãi suất, lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên được các ngân hàng giảm 0,5%/năm; đối với các khách hàng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được giảm 0,5%-1%/năm; đồng thời giảm lãi suất một số chương trình cho vay trung và dài hạn đối với lĩnh vực ưu tiên xuống còn 8%/năm; tích cực triển khai các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi cho các ngành thiết yếu trong phát triển kinh tế và an sinh xã hội; đối với nhóm khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lãi suất cho vay ngắn hạn từ 4%-5%/năm.

Thị trường bảo hiểm 9 tháng duy trì mức tăng trưởng tích cực. Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường 9 tháng ước tính tăng 18% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng trên 22%; doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 9%.

**2. Đầu tư phát triển**

Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư trong những tháng vừa qua có chuyển biến tích cực, là tín hiệu tốt đẩy nhanh tiến độ thực hiện vốn đầu tư trong những tháng cuối năm. Các Bộ, ngành, địa phương đang tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các công trình, dự án theo tinh thần Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 3/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 9 tháng năm 2017 theo giá hiện hành ước tính đạt 1.128,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước và bằng 33,9% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 401,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 35,6% tổng vốn và tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 450,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 39,9% và tăng 15,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 276,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,5% và tăng 13,5%.

**Tốc độ phát triển vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện**

**9 tháng các năm 2015 - 2017 so với cùng kỳ năm trước**

***(Theo giá hiện hành)***

Đơn vị tính: %

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 9 tháng năm 2015 | 9 tháng năm 2016 | 9 tháng năm 2017 |
| **Tổng số** | **109,6** | **109,6** | **112,1** |
| Khu vực Nhà nước | 106,6 | 106,0 | 107,2 |
| Khu vực ngoài Nhà nước | 111,0 | 110,3 | 115,9 |
| Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài | 112,4 | 114,1 | 113,5 |

Trong vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, vốn từ ngân sách Nhà nước thực hiện 9 tháng ước tính đạt 192,8 nghìn tỷ đồng, bằng 63,2% kế hoạch năm và tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước, gồm có:

- Vốn trung ương quản lý đạt 43,9 nghìn tỷ đồng, bằng 62,2% kế hoạch năm và tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thực hiện của Bộ Giao thông Vận tải đạt 21,8 nghìn tỷ đồng, bằng 68,8% và tăng 38,2%; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 4.343 tỷ đồng, bằng 69,7% và giảm 10,4%; Bộ Y tế 2.480 tỷ đồng, bằng 48,3% và tăng 22,4%; Bộ Giáo dục và Đào tạo 415 tỷ đồng, bằng 58,2% và giảm 70,3%; Bộ Xây dựng 325 tỷ đồng, bằng 67,3% và giảm 51,6%; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 322 tỷ đồng, bằng 54,8% và giảm 17,2%; Bộ Tài nguyên và Môi trường 315 tỷ đồng, bằng 52,9% và giảm 34,3%; Bộ Công Thương 170 tỷ đồng, bằng 69,5% và giảm 46,9%; Bộ Thông tin và Truyền thông 67 tỷ đồng, bằng 69,3% và giảm 24,6%; Bộ Khoa học và Công nghệ 64 tỷ đồng, bằng 67,2% và giảm 64,1%.

- Vốn địa phương quản lý đạt 148,9 nghìn tỷ đồng, bằng 63,6% kế hoạch năm và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 101,6 nghìn tỷ đồng, bằng 58,8% và tăng 4,5%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 39,3 nghìn tỷ đồng, bằng 74,6% và tăng 17,5%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 8 nghìn tỷ đồng, bằng 91,8% và tăng 11,1%. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau: Hà Nội đạt 23,6 nghìn tỷ đồng, bằng 72,9% kế hoạch năm và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước; thành phố Hồ Chí Minh 12,8 nghìn tỷ đồng, bằng 37,6% và tăng 5,3%; Nghệ An 4.771 tỷ đồng, bằng 72,9% và tăng 16,7%; Bình Dương 4.532 tỷ đồng, bằng 63,3% và tăng 12,7%; Quảng Ninh 4.428 tỷ đồng, bằng 60,5% và tăng 20%; Hải Phòng 4.214 tỷ đồng, bằng 57,4% và tăng 52,6%; Vĩnh Phúc 4.185 tỷ đồng, bằng 69,8% và tăng 15,7%; Thanh Hóa 3.511 tỷ đồng, bằng 73,4% và tăng 12,8%; Cần Thơ 3.339 tỷ đồng, bằng 70,8% và tăng 32,6%.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/9/2017 thu hút 1.844 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, tăng 1,3% về số dự án và tăng 30,4% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, có 878 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 6,8 tỷ USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 9 tháng năm 2017 lên 21,3 tỷ USD, tăng 29,7% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong 9 tháng năm 2017 có 3.742 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 4,2 tỷ USD, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2016. Như vậy, tính chung tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới, cấp vốn bổ sung và đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần 9 tháng đạt 25,5 tỷ USD, tăng 34,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 9 tháng ước tính đạt 12,5 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong 9 tháng, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 5,4 tỷ USD, chiếm 36,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 5,3 tỷ USD, chiếm 36,5%; các ngành còn lại đạt 3,9 tỷ USD, chiếm 26,7%. Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước và góp vốn, mua cổ phần thì tổng vốn đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 9 tháng năm nay đạt 12,6 tỷ USD, chiếm 49,6% tổng vốn đăng ký; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 5,4 tỷ USD, chiếm 21,1%; các ngành còn lại đạt 7,5 tỷ USD, chiếm 29,3%.

Trong 9 tháng năm nay, cả nước có 57 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới, trong đó Thanh Hóa có số vốn đăng ký lớn nhất với 3.145 triệu USD, chiếm 21,6% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Nam Định 2.125,9 triệu USD, chiếm 14,6%; Kiên Giang 1.342,3 triệu USD, chiếm 9,2%; Bình Dương 1.172,7 triệu USD, chiếm 8,1%; Hà Nội 1.032,3 triệu USD, chiếm 7,1%; thành phố Hồ Chí Minh 924,8 triệu USD, chiếm 6,4%; Tây Ninh 726,4 triệu USD, chiếm 5%; Bắc Giang 590,1 triệu USD, chiếm 4,1%; Đồng Nai 383,1 triệu USD, chiếm 2,6%; Bình Phước 342,6 triệu USD, chiếm 2,4%.

Trong số 74 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 9 tháng, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 4.903,2 triệu USD, chiếm 33,7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Xin-ga-po 2.902,8 triệu USD, chiếm 19,9%; Hàn Quốc 2.304,9 triệu USD, chiếm 15,8%; Trung Quốc 1.281,7 triệu USD, chiếm 8,8%; Đặc khu Hành chính Hồng Công (TQ) 630,6 triệu USD, chiếm 4,3%; CHLB Đức 334,9 triệu USD, chiếm 2,3%.

**3. Thu, chi ngân sách Nhà nước**

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2017 ước tính đạt 786,3 nghìn tỷ đồng, bằng 64,9% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 617,7 nghìn tỷ đồng, bằng 62,4%; thu từ dầu thô 31,8 nghìn tỷ đồng, bằng 83%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 134,6 nghìn tỷ đồng, bằng 74,8%. Trong thu nội địa, thu tiền sử dụng đất đạt 72,1 nghìn tỷ đồng, bằng 113,2% dự toán năm; thu thuế thu nhập cá nhân 56,2 nghìn tỷ đồng, bằng 69,4%; thu thuế công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài Nhà nước 120,2 nghìn tỷ đồng, bằng 61,8%; thu thuế bảo vệ môi trường 27,8 nghìn tỷ đồng, bằng 61,5%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) 111,4 nghìn tỷ đồng, bằng 55,4%; thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước 137 nghìn tỷ đồng, bằng 47,8%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2017 ước tính đạt 851,5 nghìn tỷ đồng, bằng 61,2% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 623 nghìn tỷ đồng, bằng 69,5%; chi trả nợ lãi 72,4 nghìn tỷ đồng, bằng 73,2%; riêng chi đầu tư phát triển mới đạt 153 nghìn tỷ đồng, chỉ bằng 42,8% dự toán năm (trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 149,3 nghìn tỷ đồng, bằng 42,4%). Chi trả nợ gốc từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2017 ước tính đạt 128 nghìn tỷ đồng, bằng 78,1% dự toán năm.

Nhìn chung, tiến độ thu, chi ngân sách Nhà nước trong 9 tháng năm nay còn chậm. Trong thời gian tới, các cấp, các ngành cần có các giải pháp và tập trung chỉ đạo nhằm hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2017.

**4. Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ**

***a. Xuất khẩu hàng hóa***

**Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng Tám đạt 19.767 triệu USD (là tháng đạt kim ngạch xuất khẩu cao nhất từ trước đến nay**[[10]](#footnote-11)**), cao hơn 1.567 triệu USD so với số ước tính tháng Tám, trong đó điện thoại và linh kiện cao hơn 727 triệu USD; điện tử, máy tính và linh kiện cao hơn 324 triệu USD; hàng dệt may cao hơn 176 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 91 triệu USD; dầu thô cao hơn 72 triệu USD; sắt thép cao hơn 60 triệu USD; thủy sản cao hơn 41 triệu USD; gỗ và sản phẩm gỗ cao hơn 36 triệu USD.**

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Chín ước tính đạt 19 tỷ USD, giảm 3,9% so với tháng trước nhưng tiếp tục tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 5,21 tỷ USD, giảm 5,3% so với tháng trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,79 tỷ USD, giảm 3,3%. Một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch giảm so với tháng trước: Gạo giảm 21,3%; giày dép giảm 21,1%; hạt tiêu giảm 16,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng giảm 11,4%; thủy sản giảm 10,8%; dệt, may giảm 10,3%; phương tiện vận tải và phụ tùng giảm 9,1%. **So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng Chín tăng** 23,6%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 22,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 24%. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng cao so với cùng kỳ năm 2016: Điện thoại và linh kiện tăng 47,7%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 32,3%; dệt may tăng 11,7%.

Tính chung 9 tháng năm nay, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 154 tỷ USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 43,2 tỷ USD, tăng 16,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 110,8 tỷ USD, tăng 21%.Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 9 tháng tăng 14,4% so với **cùng kỳ năm 2016.** Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng khá **so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện đạt 31 tỷ USD, tăng 21,4%; dệt may đạt 19,3 tỷ USD, tăng 8,6%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 18,5 tỷ USD, tăng 40,8%; giày dép đạt 10,6 tỷ USD, tăng 12,7%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 9,3 tỷ USD, tăng 30,1%; thủy sản đạt 6 tỷ USD, tăng 19,2%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 5,5 tỷ USD, tăng 11%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 5,1 tỷ USD, tăng 15,8%; rau quả đạt 2,7 tỷ USD, tăng 45,6%; hạt điều đạt 2,6 tỷ USD, tăng 26,6% (lượng tăng 1,1%). Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước: Hạt tiêu đạt 981 triệu USD, giảm 18% (lượng tăng 25,1%); sắn và các sản phẩm từ sắn đạt 726 triệu USD, giảm 3,1% (lượng tăng 4,5%); đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 414 triệu USD, giảm 43,3%.**

**Về thị trường hàng hóa xuất khẩu 9 tháng, Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta với kim ngạch đạt 31,2 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó xuất khẩu giày dép tăng 15,7%; dệt may tăng 8,1%. Tiếp đến là EU đạt 28,4 tỷ USD, tăng 15,8%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 24,2%; giày dép tăng 14,7%; điện thoại và linh kiện tăng 13,5%. Xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 21,9 tỷ USD, là thị trường có tốc độ tăng cao nhất với 44,7%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 88,5%; rau quả tăng 60%. Thị trường ASEAN đạt 16 tỷ USD, tăng 26,1%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 49,1%; điện thoại và linh kiện tăng 38,3%. Thị trường Nhật Bản đạt 12,5 tỷ USD, tăng 17,2%; Hàn Quốc đạt 10,6 tỷ USD, tăng 27,3%, trong đó điện tử, máy tính và linh kiện tăng 40,5%; điện thoại và linh kiện tăng 36,6%; dệt may tăng 6,1%. Thị trường Thái Lan đạt 3,5 tỷ USD, tăng 28,7%, trong đó dầu thô tăng 217,5%; điện thoại và linh kiện tăng 55,2%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 22,6%.**

**Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 9 tháng năm nay, hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đạt 76,8 tỷ USD, tăng 24,3% và chiếm 49,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (tăng 1,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ 2016); nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp đạt 56,8 tỷ USD, tăng 14,8% và chiếm 36,8% (giảm 1,6 điểm phần trăm); nhóm hàng nông, lâm sản đạt 14,5 tỷ USD, tăng 17,9% và chiếm 9,4% (giảm 0,2 điểm phần trăm) và hàng thủy sản đạt 6 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 3,9% (cơ cấu không đổi so với cùng kỳ năm 2016).**

***b. Nhập khẩu hàng hóa***

 **Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng Tám đạt 18.181 triệu USD, cao hơn 381 triệu USD so với số ước tính, trong đó: Điện tử máy tính và linh kiện cao hơn 165 triệu USD; điện thoại và linh kiện cao hơn 163 triệu USD; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng cao hơn 70 triệu USD.**

Ước tính tháng Chín, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 18,6 tỷ USD, tăng 2,3% so với tháng trước, trong đó **khu vực kinh tế trong nước đạt 7,25 tỷ USD, tăng 1,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,35 tỷ USD, tăng 2,7%. Một số mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch tăng cao so với tháng trước: Điện thoại và linh kiện tăng 19,6%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 17,4%. Một số mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch giảm nhiều: Phân bón giảm 37,5%; than đá giảm 20,9%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 16,3%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Chín tăng 27,3%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 25,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 28,4%. Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện tăng 78%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 47,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 26,3%.**

Tính chung 9 tháng năm 2017, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 154,5 tỷ USD, tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 61,3 tỷ USD, tăng 18,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 93,2 tỷ USD, tăng 26,1%. **Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 9 tháng tăng 19,7% so với cùng kỳ năm 2016.**

**Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước tăng so với cùng kỳ năm trước: Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 27 tỷ USD, tăng 32,9%;** điện tử, máy tính và linh kiện đạt 25,8 tỷ USD, tăng 28,3%; **điện thoại và linh kiện đạt 10,7 tỷ USD, tăng 41,3%;** vải đạt 8,3 tỷ USD, tăng 8,7%; sắt thép đạt 6,8 tỷ USD, tăng 16,1% (lượng giảm 15,7%); chất dẻo đạt 5,4 tỷ USD, tăng 21,4% (lượng tăng 13,3%); **xăng dầu đạt 5,1 tỷ USD, tăng 42% (lượng tăng 11,4%). M**ột số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước: Ô tô đạt 3,8 tỷ USD, giảm 12,4%; **thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu đạt 2,5 tỷ USD, giảm 2,5%;** phương tiện vận tải khác và phụ tùng đạt 623 triệu USD, giảm 22,8%.

**Về thị trường hàng hóa nhập khẩu9 tháng năm nay, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 41,6 tỷ USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 24,7%; điện thoại và linh kiện tăng 20,6%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 18,9%. Tiếp theo là Hàn Quốc với 33,9 tỷ USD, tăng 46,5%, trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 113,3%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 45,9%. Nhập khẩu từ thị trường ASEAN đạt 20,6 tỷ USD, tăng 19,7%, trong đó xăng dầu tăng 27,2%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 12,9%. Nhật Bản đạt 11,8 tỷ USD, tăng 8,2%. EU đạt 9,1 tỷ USD, tăng 13,3%, trong đó dược phẩm tăng 11,6%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 9,8%. Thái Lan đạt 7,5 tỷ USD, tăng 21,4%, trong đó nhập khẩu rau quả tăng 144,2%**[[11]](#footnote-12)**; xăng dầu tăng 47% (lượng tăng 19,4%); máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 14,1%. Hoa Kỳ đạt 6,9 tỷ USD, tăng 16,3%, trong đó bông tăng 65,2%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 35%.**

**Về cơ cấu hàng nhập khẩu 9 tháng năm nay, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 141,3 tỷ USD, tăng 23,6% so với cùng kỳ 2016 và chiếm 91,5% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (tăng 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2016), trong đó nhóm máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 66,8 tỷ USD, tăng 26,8% và chiếm 43,2% (tăng 1,3 điểm phần trăm); nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 74,5 tỷ USD, tăng 20,8% và chiếm 48,3% (giảm 0,9 điểm phần trăm). Nhóm hàng tiêu dùng đạt 13,2 tỷ USD, tăng 17,9% và chiếm 8,5% (giảm 0,4 điểm phần trăm).**

**Do kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh nên cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Tám xuất siêu 1.586 triệu USD**[[12]](#footnote-13)**. Tháng Chín ước tính xuất siêu 400 triệu USD, tính chung 9 tháng năm 2017 nhập siêu 442 triệu USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 18,08 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 17,64 tỷ USD. Đáng lưu ý là nhập siêu từ Hàn Quốc** 9 tháng năm 2017 lên tới 23,3 tỷ USD, tăng 57,7% so với cùng kỳ 2016, là thị trường nhập siêu lớn nhất của Việt Nam; tiếp đến là nhập **siêu từ Trung Quốc với 19,7 tỷ USD, giảm 5,6%; nhập siêu từ ASEAN là 4,6 tỷ USD.**

***c. Xuất, nhập khẩu dịch vụ***

**Xuất khẩu dịch vụ 9 tháng năm nay ước tính đạt 9,74 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu dịch vụ du lịch đạt 6,58 tỷ USD, chiếm 67,6% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 7,3%; dịch vụ vận tải đạt 1,91 tỷ USD, chiếm 19,6% và tăng 6,4%. Nhập khẩu dịch vụ 9 tháng ước tính đạt 12,55 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhập khẩu dịch vụ vận tải đạt 5,97 tỷ USD, chiếm 47,5% tổng kim ngạch nhập khẩu và tăng 0,9%; dịch vụ du lịch đạt 3,7 tỷ USD, chiếm 29,5% và tăng 10,4%. Nhập siêu dịch vụ 9 tháng là 2,81 tỷ USD, bằng 28,9% kim ngạch xuất khẩu dịch vụ.**

**5. Chỉ số giá**

***a. Chỉ số giá tiêu dùng***

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2017 tăng 0,59% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu, 9 nhóm có chỉ số giá tháng Chín tăng so với tháng trước, trong đó nhóm giáo dục tăng cao nhất với 5,00% (dịch vụ giáo dục tăng 5,74%) do trong tháng có 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện lộ trình tăng học phí. Nhóm giao thông tăng 1,51% do ảnh hưởng từ 2 đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 5/9/2017 và thời điểm 20/9/2017 làm chỉ số giá nhóm nhiên liệu tăng 3,54% (tác động làm CPI tăng khoảng 0,14%); nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,69%[[13]](#footnote-14). Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,25% (dịch vụ y tế tăng 0,31%) do trong tháng có 3 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế cho đối tượng không có thẻ bảo hiểm y tế. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,08%, trong đó lương thực tăng 0,14%[[14]](#footnote-15); thực phẩm tăng 0,06% do giá thực phẩm tươi sống tăng cao[[15]](#footnote-16); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,05%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,02%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,11%. Riêng nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,08%; bưu chính viễn thông giảm 0,04%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2017 tăng 3,79% so với bình quân cùng kỳ năm 2016; CPI tháng 9/2017 tăng 1,83% so với tháng 12/2016 và tăng 3,40% so với cùng kỳ năm 2016. CPI 9 tháng năm 2017 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Các địa phương điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế theo Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính và Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế; (ii) Một số địa phương thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; (iii) Giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới như giá nhiên liệu, chất đốt, sắt thép tăng trở lại trong 9 tháng năm 2017 làm chỉ số giá xuất, nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI trong 9 tháng năm 2017, có một số yếu tố góp phần kiềm chế CPI: (i) Chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 2,32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá thịt lợn liên tục giảm mạnh do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu thu mua thịt lợn xuất khẩu sang Trung Quốc giảm; (ii) Các cấp, các ngành tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đồng thời thực hiện tốt công tác bình ổn thị trường, không để xảy ra hiện tượng tăng giá đột biến trong dịp Tết nguyên đán.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2017 tăng 0,08% so với tháng trước và tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2017 tăng 1,45% so với bình quân cùng kỳ năm 2016.

***b. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ***

Chỉ số giá vàng tháng 9/2017 tăng 2,61% so với tháng trước; tăng 6,12% so với tháng 12/2016; tăng 0,55% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2017 tăng 0,03% so với tháng trước; giảm 0,03% so với tháng 12/2016 và tăng 1,78% so với cùng kỳ năm 2016.

***c. Chỉ số giá sản xuất***

Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III năm nay giảm 1,29% so với quý trước và giảm 2,24% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất nông nghiệp giảm 1,83% và giảm 5,48%; lâm nghiệp tăng 0,08% và tăng 4,31%; thủy sản tăng 0,21% và tăng 7,63%. Tính chung 9 tháng năm 2017, chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,71% so với cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số giá sản xuất công nghiệp quý III giảm 0,64% so với quý trước và giảm 0,70% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng giảm 1,65% và tăng 7,55%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,69% và giảm 1,76%; điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 1,27% và tăng 4,77%; nước sạch, nước thải, xử lý nước thải, rác thải tăng 0,27% và tăng 1,47%. Tính chung 9 tháng năm nay, chỉ số giá sản xuất công nghiệp tăng 0,44% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý III năm nay tăng 0,57% so với quý trước và tăng 0,69% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,68% và giảm 3,67%; sử dụng cho sản xuất công nghiệp tăng 0,46% và giảm 0,02%; sử dụng cho xây dựng tăng 1,99% và tăng 7,19%. Tính chung 9 tháng năm 2017, chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất tăng 0,61% so với cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số giá cước vận tải, kho bãi quý III tăng 0,49% so với quý trước và tăng 2,90% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá cước ngành đường sắt tăng 3,08% và giảm 2,21%; vận tải đường bộ và xe buýt tăng 0,04% và tăng 1,20%; đường thủy tăng 0,50% và tăng 0,35%; đường hàng không tăng 2,52% và tăng 9,28%; dịch vụ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 0,15% và tăng 1,58%. Tính chung 9 tháng năm 2017, chỉ số giá cước vận tải, kho bãi tăng 2,12% so với cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý III năm 2017 tăng 0,78% so với quý trước và tăng 3,97% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất dịch vụ của một số ngành như sau: Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,59% và tăng 2,90%; thông tin và truyền thông tăng 0,09% và tăng 0,36%; giáo dục và đào tạo tăng 2,81% và tăng 7,61%; y tế và trợ giúp xã hội tăng 3,07% và tăng 26,65%. Tính chung 9 tháng năm 2017, chỉ số giá sản xuất dịch vụ tăng 3,76% so với cùng kỳ năm 2016.

***d. Chỉ số giá xuất, nhập khẩu hàng hóa***

Chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá quý III năm nay giảm 0,83% so với quý trước và tăng 3,68% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá của nhóm nông sản, thực phẩm giảm 0,15% và tăng 9,15%; nhóm nhiên liệu giảm 3,19% và tăng 26,47%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo giảm 0,85% và tăng 0,48%. Chỉ số giá xuất khẩu quý III của một số mặt hàng như sau: Hàng thủy sản tăng 0,94% so với quý trước và tăng 10,05% so với cùng kỳ năm trước; cà phê tăng 0,96% và tăng 31,05%; dầu thô giảm 3,53% và tăng 28,89%; cao su giảm 6,08% và tăng 40,74%; sắt, thép tăng 1,69% và giảm 4,40%. Tính chung 9 tháng năm 2017, chỉ số giá xuất khẩu hàng hoá tăng 4,73% so với cùng kỳ năm 2016.

Chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá quý III giảm 0,19% so với quý trước và tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nhập khẩu của nhóm nông sản, thực phẩm giảm 0,31% và tăng 0,90%; nhóm nhiên liệu giảm 0,98% và tăng 6,37%; nhóm hàng hóa chế biến, chế tạo giảm 0,15% và tăng 1,19%. Chỉ số giá nhập khẩu quý III của một số mặt hàng như sau: Khí đốt hóa lỏng giảm 5,85% so với quý trước và tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước; xăng dầu giảm 0,10% và tăng 8,95%; cao su tăng 2,69% và tăng 29,04%; gỗ và sản phẩm từ gỗ tăng 0,81% và tăng 0,27%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 1,05% và tăng 2,24%. Tính chung 9 tháng năm 2017, chỉ số giá nhập khẩu hàng hoá tăng 2,81% so với cùng kỳ năm 2016.

Tỷ giá thương mại hàng hóa[[16]](#footnote-17) quý III năm nay giảm 0,64% so với quý trước và tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tỷ giá thương mại của xăng dầu giảm 2,69% và tăng 19,05%; cao su giảm 8,54% và tăng 9,07%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 1,77% và giảm 3,59%; điện thoại và linh kiện giảm 3,42% và tăng 13,79%. Tính chung 9 tháng năm 2017, tỷ giá thương mại hàng hoá tăng 1,87% so với cùng kỳ năm 2016.

**III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**1. Dân số, lao động và việc làm**

Dân số trung bình năm 2017 của cả nước ước tính 93,7 triệu người, bao gồm dân số thành thị 32,9 triệu người, chiếm 35,1%; dân số nông thôn 60,8 triệu người, chiếm 64,9%; dân số nam 46,2 triệu người, chiếm 49,3%; dân số nữ 47,5 triệu người, chiếm 50,7%.

Theo kết quả Điều tra biến động dân số và Kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2017, tổng tỷ suất sinh ước tính đạt 2,04 con/phụ nữ; tỷ suất sinh thô ước tính đạt 14,71‰; tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh là 112,4 bé trai/100 bé gái; tỷ suất chết thô là 6,84‰; tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi là 14,35‰; tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi là 21,55‰. Tuổi thọ trung bình chung cả nước là 73,5 tuổi, trong đó nam là 70,9 tuổi và nữ là 76,2 tuổi.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước đến thời điểm 1/10/2017 ước tính là 54,88 triệu người, tăng 446,4 nghìn người so với cùng thời điểm năm 2016, bao gồm: Lao động nam 28,38 triệu người, chiếm 51,7%; lao động nữ 26,5 triệu người, chiếm 48,3%. Xét theo khu vực, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khu vực thành thị là 17,68 triệu người, chiếm 32,2%; khu vực nông thôn là 37,2 triệu người, chiếm 67,8%.

Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tại thời điểm trên ước tính 48,21 triệu người, tăng 391,8 nghìn người so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động nam 26,03 triệu người, chiếm 54%; lao động nữ 22,18 triệu người, chiếm 46%; lao động khu vực thành thị là 16,10 triệu người, chiếm 33,4%; lao động khu vực nông thôn là 32,11 triệu người, chiếm 66,6%.

Lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc trong 9 tháng năm nay ước tính 53,52 triệu người, bao gồm 21,64 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 40,4% tổng số; khu vực công nghiệp và xây dựng 13,7 triệu người, chiếm 25,6%; khu vực dịch vụ 18,18 triệu người, chiếm 34%.

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm có xu hướng giảm dần qua các quý. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I/2017 là 2,30%; quý II là 2,26%; quý III ước tính là 2,21%. Tính chung 9 tháng năm nay, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,26%, trong đó khu vực thành thị là 3,19%; khu vực nông thôn là 1,79%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (Từ 15-24 tuổi) 9 tháng là 7,63%, trong đó khu vực thành thị là 11,99%; khu vực nông thôn là 5,96%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I là 1,82%; quý II là 1,62%; quý III ước tính là 1,51%. Tính chung 9 tháng năm 2017, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 1,64%, trong đó khu vực thành thị là 0,87%; khu vực nông thôn là 2,06%.

Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản[[17]](#footnote-18) quý I là 56,9%; quý II là 57,3%; quý III ước tính là 57,0%, trong đó khu vực thành thị là 48,7%; khu vực nông thôn là 64,1%. Tính chung 9 tháng năm 2017, cả nước có 57,1% lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản, trong đó khu vực thành thị là 48,7%; khu vực nông thôn là 64,3%.

**2. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội**

Đời sống dân cư 9 tháng năm nay nhìn chung ổn định. Tuy nhiên, do giá thịt lợn những tháng đầu năm giảm mạnh và ảnh hưởng của thiên tai, bão, lũ nên đời sống của các hộ chăn nuôi và dân cư ở một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Công tác an sinh, xã hội và xóa đói, giảm nghèo tiếp tục được quan tâm thực hiện. Theo báo cáo sơ bộ, tổng kinh phí huy động từ ngân sách Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân dành cho hoạt động an sinh xã hội và giảm nghèo trong 9 tháng năm nay là 5.560 tỷ đồng, bao gồm: 3.256 tỷ đồng quà thăm hỏi và hỗ trợ các đối tượng chính sách; 1.677 tỷ đồng hỗ trợ các hộ nghèo và 627 tỷ đồng cứu đói, cứu trợ xã hội khác. Bên cạnh đó, đã có 15 triệu thẻ bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng chính sách trên địa bàn cả nước.

Thiếu đói trong nông dân tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 9/2017 có 1,6 nghìn hộ thiếu đói, giảm 79,2% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 7 nghìn nhân khẩu thiếu đói, giảm 78,1%. Tính chung 9 tháng năm nay, cả nước có 163,5 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 34,9% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 671,1 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 35,5%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 17,3 nghìn tấn lương thực và hơn 1 tỷ đồng.

**3. Giáo dục, đào tạo**

Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017 tiếp tục có những đổi mới theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho thí sinh, gia đình và xã hội. Theo báo cáo sơ bộ, kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm nay được tổ chức tại 63 cụm thi, tương ứng với 2.364 điểm thi và 36.832 phòng thi. Số thí sinh đăng ký dự thi là 866 nghìn người, trong đó 640,4 nghìn thí sinh đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng sư phạm, chiếm 74% tổng số thí sinh đăng ký dự thi. Số thí sinh thực tế tham dự xét tuyển đại học, cao đẳng sư phạm là 445,6 nghìn người (đạt 70% tổng số thí sinh đăng ký xét tuyển), trong đó 352,2 nghìn thí sinh tham dự xét tuyển bằng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia và 93,4 nghìn thí sinh tham dự xét tuyển học bạ.

Tại thời điểm khai giảng năm học 2017-2018, cả nước có khoảng 5,2 triệu trẻ em đi học mầm non (0,7 triệu trẻ em đi nhà trẻ và 4,5 triệu trẻ em đi học mẫu giáo); 15,5 triệu học sinh phổ thông đến trường, bao gồm 7,8 triệu học sinh tiểu học; 5,3 triệu học sinh trung học cơ sở và 2,4 triệu học sinh trung học phổ thông.

Theo báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, hiện nay cả nước có 1.980 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm 396 trường cao đẳng; 549 trường trung cấp và 1.035 trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo nghề tính đến cuối tháng 8/2017 đã tuyển mới được 1.045 nghìn người, trong đó trình độ cao đẳng, trung cấp tuyển sinh được 145 nghìn người; trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng tuyển sinh được 900 nghìn người. Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm 2017 đã có 200 nghìn lao động nông thôn và 10 nghìn người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo nghề theo Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

**4. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm**

Trong tháng 9/2017, cả nước có 18,9 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 73 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 58 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (4 trường hợp tử vong); 3 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu; 53 trường hợp mắc bệnh viêm não Nhật Bản (2 trường hợp tử vong); 3 trường hợp nhiễm vi rút Zika; 22 trường hợp mắc bệnh ho gà và 16 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người (1 trường hợp tử vong). Tính chung 9 tháng, cả nước có gần 62,1 nghìn trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 475 trường hợp mắc bệnh thương hàn; 553 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (19 trường hợp tử vong); 27 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do não mô cầu (3 trường hợp tử vong); 184 trường hợp mắc bệnh viêm não Nhật Bản (6 trường hợp tử vong); 31 trường hợp nhiễm vi rút Zika; 530 trường hợp mắc bệnh ho gà (5 trường hợp tử vong) và 142 trường hợp mắc bệnh liên cầu lợn ở người (12 trường hợp tử vong). Riêng dịch bệnh sốt xuất huyết vẫn diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương trên cả nước. Trong tháng Chín có 44,6 nghìn trường hợp mắc bệnh (8 trường hợp tử vong), nâng tổng số trường hợp mắc bệnh trong 9 tháng năm nay lên 125,2 nghìn trường hợp (105,3 nghìn trường hợp phải nhập viện), trong đó 29 trường hợp tử vong.

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 15/9/2017 là 216,4 nghìn người, trong đó 87,5 nghìn trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS; số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 95,4 nghìn người[[18]](#footnote-19).

Về ngộ độc thực phẩm, trong tháng đã xảy ra 7 vụ với 341 người bị ngộ độc. Tính từ 18/12/2016 đến 17/9/2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 84 vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng, làm 2.572 người bị ngộ độc, trong đó 17 trường hợp tử vong.

**5. Hoạt động văn hóa, thể thao**

Hoạt động văn hóa 9 tháng năm 2017 tập trung vào chào mừng các ngày Lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Các sự kiện được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thu hút sự quan tâm và tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Công tác quản lý lễ hội được chú trọng nhằm phát huy tính tích cực của lễ hội dân gian và phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc; tăng cường kiểm tra và kiên quyết xử lý những lễ hội có vi phạm, không đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường.

Phong trào thể thao quần chúng tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hoạt động được tổ chức như: Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Đại hội Thể dục thể thao các cấp; Chạy tiếp sức hưởng ứng SEA Games 29, Para Games 9 và Bơi thiếu nhi toàn quốc “Đường đua xanh” tại Hà Nội; Đại hội thể dục thể thao Đồng bằng sông Cửu Long; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số khu vực II tại Đắk Lắk và nhiều giải thể thao quần chúng khác.

Trong hoạt động thể thao thành tích cao, từ đầu năm đến nay thể thao Việt Nam giành được 428 huy chương vàng, 301 huy chương bạc và 351 huy chương đồng tại các giải thể thao cấp khu vực và thế giới. Tại Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 29 (SEA Games 29), Đoàn Thể thao Việt Nam đã bảo vệ thành công vị trí thứ 3/11 quốc gia tham dự với thành tích 58 huy chương vàng, 50 huy chương bạc và 60 huy chương đồng, phá 11 kỷ lục SEA Games.

**6. Tai nạn giao thông**

Trong tháng (từ 16/8 đến 15/9), trên địa bàn cả nước đã xảy ra 1.577 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 722 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 855 vụ va chạm giao thông, làm 700 người chết, 336 người bị thương và 889 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông tháng Chín giảm 15,5% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 12,7% và số vụ va chạm giao thông giảm 17,8%); số người chết tăng 2,6%; số người bị thương giảm 33,3% và số người bị thương nhẹ giảm 28,1%.

Tính chung 9 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước đã xảy ra 14.352 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 7.017 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 7.335 vụ va chạm giao thông, làm 6.122 người chết, 3.489 người bị thương và 8.270 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 9 tháng năm nay giảm 6,9% (Số vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 6,1%; số vụ va chạm giao thông giảm 7,6%); số người chết giảm 4,9%; số người bị thương giảm 18,6% và số người bị thương nhẹ giảm 10%. Trong tổng số 7.017 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên 9 tháng vừa qua, có 6.814 vụ (chiếm 97,1%) xảy ra ở đường bộ, làm 5.978 người chết và 3.441 người bị thương; tai nạn giao thông đường sắt có 112 vụ, làm 96 người chết và 32 người bị thương; tai nạn giao thông đường thủy và hàng hải có 91 vụ, làm 48 người chết và 16 người bị thương. Bình quân 1 ngày trong 9 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 52 vụ tai nạn giao thông, gồm 25 vụ tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên và 27 vụ va chạm giao thông, làm 22 người chết, 13 người bị thương và 30 người bị thương nhẹ.

**7. Thiệt hại do thiên tai**

Trong tháng 9/2017, bão, lũ, mưa lớn và sạt lở đất đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và sản xuất của nhiều địa phương trong cả nước. Theo báo cáo sơ bộ, thiên tai làm 29 người chết và 97 người bị thương; 574 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và gần 205,1 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 21,7 nghìn ha lúa và 15,1 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong tháng ước tính khoảng 16,7 nghìn tỷ đồng.

Đặc biệt vào trung tuần tháng 9 vừa qua, cơn bão số 10 (được đánh giá là cơn bão mạnh nhất trong vòng nhiều năm) đã đổ bộ vào các tỉnh miền Trung, nhưng nhờ công tác dự báo kịp thời, chính xác và sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ cùng với việc triển khai thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống bão của các Bộ, ngành, địa phương đã góp phần hạn chế mức độ thiệt hại do bão gây ra. Tuy nhiên, do sức bão quá lớn đã gây thiệt hại nặng nề cho các tỉnh ven biển, đặc biệt là vùng tâm bão từ Hà Tĩnh đến Quảng Bình. Theo báo cáo sơ bộ, cơn bão số 10 đã làm 11 người chết và 81 người bị thương; 485 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 201,8 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 17,8 nghìn ha lúa, 14,4 nghìn ha hoa màu, 48,1 nghìn ha cây ăn quả, cây công nghiệp và 13,4 nghìn ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập, hư hỏng; 8 tàu cá bị chìm và 816 thuyền/xuồng bị hư hỏng, cuốn trôi; 53 km kênh mương bị sạt lở; giá trị thiệt hại ước tính hơn 16 nghìn tỷ đồng. Hiện nay các địa phương bị ảnh hưởng đang khẩn trương khắc phục hậu quả của cơn bão, sửa chữa hệ thống giao thông, công trình thủy lợi, dựng lại nhà cửa, hỗ trợ khôi phục sản xuất nhằm sớm ổn định đời sống nhân dân.

Tính chung 9 tháng năm 2017, thiên tai làm 169 người chết và mất tích, 232 người bị thương; 1,6 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 233,8 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 66,1 nghìn ha lúa và 45,4 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong 9 tháng ước tính gần 21,5 nghìn tỷ đồng. Một số địa phương bị thiệt hại nhiều: Quảng Bình 5 người chết và 59 người bị thương; 243 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 101,3 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 4,5 nghìn ha lúa và hoa màu bị hư hỏng; giá trị thiệt hại ước tính hơn 7,9 nghìn tỷ đồng. Hà Tĩnh 2 người chết và 14 người bị thương, 171 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 102,2 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 20,3 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; giá trị thiệt hại ước tính 6,6 nghìn tỷ đồng. Nghệ An 12 người chết, mất tích và 16 người bị thương, 162 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và 10,4 nghìn ngôi nhà bị ngập, sạt lở, tốc mái; 19,2 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; giá trị thiệt hại ước tính 1,9 nghìn tỷ đồng. Quảng Trị 1 người chết và 19 người bị thương, 4,2 nghìn ngôi nhà sạt lở, tốc mái, sập đổ; 7,6 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; giá trị thiệt hại ước tính 1 nghìn tỷ đồng. Yên Bái 24 người chết, mất tích và 26 người bị thương, gần 1 nghìn ngôi nhà bị nhà sạt lở, tốc mái, sập đổ; 2,4 nghìn ha lúa và hoa màu bị ngập, hư hỏng; giá trị thiệt hại ước tính khoảng 800 tỷ đồng. Theo báo cáo sơ bộ, tổng số tiền mặt cứu trợ các địa phương bị ảnh hưởng do thiên tai từ đầu năm đến nay là trên 551 tỷ đồng.

**8. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ**

Trong tháng 9/2017, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.824 vụ vi phạm quy định về bảo đảm vệ sinh môi trường, trong đó xử lý 886 vụ với tổng số tiền phạt gần 29,9 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng năm nay đã phát hiện 13.861 vụ vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn cả nước, trong đó xử lý 11.600 vụ với tổng số tiền phạt hơn 175,4 tỷ đồng.

Trong tháng Chín, cả nước xảy ra 273 vụ cháy, nổ, làm 8 người chết và 15 người bị thương, thiệt hại ước tính 300 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng năm 2017, trên địa bàn cả nước xảy ra 3.188 vụ cháy, nổ, làm 79 người chết và 203 người bị thương, thiệt hại ước tính khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy, nổ tăng 29,6%, số người chết giảm 12,2%, số người bị thương giảm 6% và thiệt hại ước tính tăng 40,4%.

*Khái quát lại,* kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng năm 2017 tiếp tục chuyển biến tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng cải thiện rõ nét qua từng quý. Các ngành dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng khá. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Xuất khẩu tăng cao, thu hút khách quốc tế và đầu tư nước ngoài đạt khá. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm thấp hơn cùng kỳ và có xu hướng giảm dần; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và đạt kết quả nhất định. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn đối mặt với những khó khăn, thách thức: Công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm sút, sản xuất nông nghiệp có dấu hiệu chững lại. Tiến độ thu ngân sách Nhà nước, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm. Tình hình thiên tai, bão, lũ diễn biến phức tạp, bất thường ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp; đời sống một bộ phân dân cư còn gặp khó khăn.

Để hoàn thành tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, trong đó có chỉ tiêu tăng trưởng GDP cả năm đạt 6,7%, nhiệm vụ trong những tháng cuối năm còn rất lớn, đòi hỏi các ngành, các cấp, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp phải tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Chỉ thị số 24/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng các ngành, lĩnh vực nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2017 cùng các giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nhằm thực hiện kịch bản tăng trưởng cả năm 2017, trong đó tập trung vào những nội dung sau đây:

*Một là,* điều hành chính sách tài chính, tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm giảm lãi suất cho vay, phấn đấu tăng trưởng tín dụng cả năm 2017 đạt 21%. Tập trung vốn tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao; tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng tiếp cận vốn vay thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường và thực hiện hiệu quả các biện pháp chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách, triệt để tiết kiệm chi tiêu thường xuyên.

*Hai là,* chủ động bám sát diễn biến thời tiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng của thiên tai, bão, lũ tới sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục hỗ trợ nông dân thực hiện chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng ngắn ngày, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản. Kiểm soát tốt dịch bệnh, tăng cường các biện pháp giám sát bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt là việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Tăng cường xúc tiến thương mại, tháo gỡ rào cản, mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong nước và ngoài nước. Đẩy mạnh việc nuôi trồng thủy sản theo chuỗi liên kết gắn với thị trường tiêu thụ ổn định, đảm bảo sản xuất bền vững. Có cơ chế, chính sách phù hợp về bảo hiểm tàu cá để ngư dân yên tâm bám biển.

*Ba là,* các bộ, ngành và địa phương tiếp tục tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng cuối năm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, trong đó chú trọng các dự án lớn, dự án quan trọng, các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo thực hiện và giải ngân hết nguồn vốn đầu tư công được giao năm 2017. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng; không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, khuyến khích phát triển nhà ở xã hội; có giải pháp cụ thể nhằm bình ổn giá cát và vật liệu xây dựng.

*Bốn là*, tiếp tục thúc đẩy nhu cầu trong nước, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước đối với hàng nhập khẩu, góp phần duy trì tăng trưởng công nghiệp chế biến, chế tạo. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng cường xuất khẩu thông qua việc chuẩn bị các nguồn hàng đảm bảo yêu cầu về chất lượng, mẫu mã, vệ sinh an toàn thực phẩm để xuất sang các thị trường đã ký kết Hiệp định thương mại tự do. Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, nhất là nhập khẩu tiểu ngạch và các hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng nông sản. Thực hiện tốt công tác dự báo thị trường, chủ động xây dựng các biện pháp ứng phó với các rào cản thương mại, với những thay đổi chính sách của Mỹ áp dụng cho sản phẩm xuất khẩu tôm, cá tra của Việt Nam. Duy trì và tăng cường xuất khẩu mặt hàng nông sản sang thị trường Trung Quốc.

*Năm là,* đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch, có chính sách, biện pháp hiệu quả thu hút khách du lịch quốc tế, nhất là khách đến từ các thị trường có mức chi tiêu cao, lưu trú dài ngày tại Việt Nam. Tận dụng cơ hội quảng bá, thu hút khách quốc tế nhân dịp Việt Nam tổ chức Hội nghị cấp cao APEC tháng 11/2017 tại Đà Nẵng và các kỳ nghỉ lễ trùng với kỳ nghỉ đông của nhiều quốc gia trên thế giới như Lễ Noel, đón năm mới 2018.

*Sáu là,* tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; hỗ trợ kịp thời, bảo đảm cho người dân vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão, lũ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất./.

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Bích Lâm**

1. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 21/9/2017 đã nâng mức dự báo tăng trưởng của thương mại thế giới trong năm 2017 lên 3,6%, cao hơn so với dự báo trước đó là 2,4% và cao hơn mức tăng trưởng 1,3% trong năm 2016. [↑](#footnote-ref-2)
2. Mức tăng ngành hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm 9 tháng một số năm: Năm 2011 tăng 6,99%; năm 2012 tăng 5,97%; năm 2013 tăng 6,68%; năm 2014 tăng 5,39%; năm 2015 tăng 6,70%; năm 2016 tăng 7,38%; năm 2017 tăng 7,89%. [↑](#footnote-ref-3)
3. Tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và khu vực Bắc Trung Bộ, diện tích chuyển sang đất phi nông nghiệp (xây dựng hạ tầng, công trình thủy lợi...) là 3,9 nghìn ha; chuyển sang trồng cây hàng năm khác là 2,8 nghìn ha; chuyển sang trồng cây lâu năm là 1,5 nghìn ha; chuyển sang nuôi trồng thủy sản là 1,7 nghìn ha; diện tích đất không sản xuất (bỏ hoang do khó khăn trong khâu tưới tiêu và thiếu lao động) là 2,4 nghìn ha và 1,3 nghìn ha do đầu vụ mưa nhiều gây ngập úng... [↑](#footnote-ref-4)
4. Trong đó: Diện tích chuyển sang nuôi trồng thủy sản là 8,1 nghìn ha; chuyển sang trồng cây lâu năm là 7,9 nghìn ha; chuyển sang trồng cây hàng năm khác là 540 ha; diện tích đất không sản xuất là 6,3 nghìn ha do vụ đông xuân thu hoạch muộn nên không đưa diện tích trên vào sản xuất vụ hè thu. [↑](#footnote-ref-5)
5. Giá cá tra dao động từ 22.000-25.000 đồng/kg, tăng 4.000-5.000 đồng/kg so với cùng kỳ năm trước. [↑](#footnote-ref-6)
6. 9 tháng năm 2016, chỉ số sản xuất ngành khai khoáng giảm 5,5%; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5%; sản xuất và phân phối điện tăng 11,6%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,9%. [↑](#footnote-ref-7)
7. Nguồn: Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. [↑](#footnote-ref-8)
8. So với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp tăng 7%; số vốn đăng ký tăng 5,8%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp giảm 1,1%. [↑](#footnote-ref-9)
9. 9 tháng năm 2016, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 19,2% so với cùng kỳ năm trước; số vốn đăng ký tăng 49,5%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tăng 25,4%. [↑](#footnote-ref-10)
10. D**o Công ty Samsung ra mắt một số sản phẩm mới nên kim ngạch xuất khẩu mặt hàng điện thoại và linh kiện, mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện tăng mạnh.** [↑](#footnote-ref-11)
11. Kim ngạch nhập khẩu rau quả từ Thái Lan 9 tháng năm 2017 là 707 triệu USD. [↑](#footnote-ref-12)
12. Tháng Tám ước tính xuất siêu 400 triệu USD. [↑](#footnote-ref-13)
13. Trong đó giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,18% do giá sắt thép tăng 8%-10%; giá gas trong nước điều chỉnh tăng 5% từ đầu tháng Chín; giá dầu hỏa bình quân tháng 9/2017 tăng 3,08%. [↑](#footnote-ref-14)
14. Do nhu cầu cho hợp đồng xuất khẩu 175 nghìn tấn gạo sang Phi-li-pin và ảnh hưởng của mưa, lũ làm giá gạo tăng ở một số địa phương. [↑](#footnote-ref-15)
15. Trong đó: Giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,65%; giá thủy sản tăng 0,31%; giá rau xanh tăng 1,2%. [↑](#footnote-ref-16)
16. Chỉ số giá xuất khẩu hàng hóa so với chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa. [↑](#footnote-ref-17)
17. Lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản bao gồm những người không làm việc trong khu vực hộ nông nghiệp và thuộc một trong ba nhóm sau: (i) lao động gia đình không được hưởng công hưởng hương; (ii) người chủ hoặc xã viên hợp tác xã của cơ sở chưa có đăng ký kinh doanh và (iii) người làm công ăn lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc. [↑](#footnote-ref-18)
18. Số liệu mới được Bộ Y tế rà soát và cập nhật. [↑](#footnote-ref-19)